TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 8 năm 2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Nhất Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Lê Văn Lưỡng

2.Bà Nguyễn Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Vũ Kim Kuc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 67 ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Mỹ N - sinh năm 1983; trú tại: Tổ dân phố 3B, thị trấn E, huyện E, tỉnh ĐăkLăk. Có mặt.

2. Bị đơn: Võ Duy T - sinh năm 1976; trú tại: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 19.3.2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Mỹ N trình bày:

Năm 2002, chị Lê Mỹ N và anh Võ Duy T có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh T sống không có trách nhiệm với các con, đam mê cờ bạc; Mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Sau đó thì chị N và anh T không sống chung đến nay đã 01 năm. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị N và anh T là vợ chồng.

Quá trình sống chung chị N và anh T có được 03 người con chung là: Võ Lê Phương Q - sinh năm 2003; Võ Lê Trúc Q - Sinh năm 2010 và Võ Lê Ngân Q - sinh tháng 11 năm 2012.

Hiện nay 03 con chung vẫn đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Võ Duy T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T đều không có mặt theo giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Toà án, nên Toà án không lấy được lời khai của anh T cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa là đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về quan hệ hôn nhân: chị N và anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị N yêu cầu không công nhận vợ chồng. Xét thấy yêu cầu của chị N là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận. Đối với 03 con chung của anh T và chị N, lâu nay 03 con chung vẫn do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của 03 cháu Phương Q, Trúc Q và Ngân Q cũng muốn được ở với chị N nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N. Tài sản chung chị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và xác định quan hệ tranh chấp:

Trong quá trình thụ lý và tiến hành tố tụng đối yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mỹ N Tòa án đã xác định quan hệ tranh chấp là không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Võ Duy T ở tổ dân phố 6, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Tuy nhiên, căn cứ theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và để đảm bảo quyền và lợi ích của anh Võ Duy T, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 31/7/2018. Tại phiên tòa hôm nay, anh Võ Duy T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Duy T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Mặc dù không lấy được lời khai của bị đơn là anh Võ Duy T và tại phiên toà vắng mặt bị đơn lần thứ 2, nhưng theo lời khai của nguyên đơn là chị Lê Mỹ N thì chị N và anh Võ Duy T tự nguyện đến với nhau khi đã có đủ điều kiện kết hôn, có tổ chức đám cưới vào năm 2002 tại nhà hàng Thạch Thảo thuộc thị trấn E, huyện E, tỉnh ĐăkLăk và chung sống với nhau như vợ chồng (có xác nhận của UBND thị trấn E) nhưng đến nay không đăng ký kết hôn; Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị Lê Mỹ N yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng với anh Võ Duy T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị N là phù hợp với qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Lê Mỹ N và anh Võ Duy T có 03 người con chung là: Võ Lê Phương Q - sinh năm 2003; Võ Lê Trúc Q - Sinh năm 2010 và Võ Lê Ngân Q - sinh tháng 11 năm 2012.

Tại phiên tòa, chị Lê Mỹ N vẫn giữ nguyên yêu cầu được tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là Phương Q, Trúc Q và Ngân Q. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của 03 cháu Phương Q, Trúc Q và Ngân Q. Xét thấy yêu cầu của chị Lê Mỹ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung đến trưởng thành(đủ 18 tuổi) là không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Mỹ N không yêu cầu anh Võ Duy T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị Lê Mỹ N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Mỹ N và anh Võ Duy T là vợ chồng.

2/ Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cho chị Lê Mỹ N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 cháu Võ Lê Phương Q - sinh năm 2003; Võ Lê Trúc Q - Sinh năm 2010 và Võ Lê Ngân Q - sinh năm 2012 đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi).

Chị Lê Mỹ N không yêu cầu anh Võ Duy T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị N, anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về tài sản chung: Chị Lê Mỹ N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4- Về án phí: chị Lê Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003732 ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa; Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5- Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

✳ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THA thị xã N;

(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã phường N;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án; QĐ; Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhất Anh